

Số: /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục nhu cầu công nghệ của thành phố Cần Thơ
giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Chuyển giao công nghệ ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-BCĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1384/TTr-SKHCCN ngày 31 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục nhu cầu công nghệ của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 (chi tiết theo Danh mục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và ngành, lĩnh vực rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Danh mục nhu cầu công nghệ gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố tổng hợp, đề xuất và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung Danh mục nhu cầu công nghệ của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Báo và PTTH Cần Thơ;
- VP. UBND TP (2C, 3C);
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, VHQ.

E:\2026\1.SKHCN\1.THop\172.QĐ_DM_CongNghe.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khởi

Phụ lục
DANH MỤC NHU CẦU CÔNG NGHỆ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

STT	Tên nhu cầu công nghệ	Ghi chú
I	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ SỐ	
1	Công nghệ bảo mật và an toàn thông tin cho hệ thống dữ liệu y tế và hồ sơ bệnh án điện tử.	
2	Nền tảng và công cụ phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ thuật y sinh và y tế số.	
3	Giải pháp hỗ trợ mô phỏng, phân tích và xử lý dữ liệu y khoa phục vụ đào tạo và nghiên cứu.	
4	Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm và quản lý chuỗi cung ứng xuất khẩu.	
5	Giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tập trung vào quản trị sản xuất thông minh và thương mại điện tử xuyên biên giới.	
6	Hệ thống điều hành sản xuất (MES) và giải pháp nhà máy thông minh (Smart Factory) cho các ngành công nghiệp chủ lực của thành phố.	
7	Xây dựng nền tảng dữ liệu số tích hợp, liên thông phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.	
8	Giải pháp an toàn, an ninh mạng cho hệ thống chính quyền số và hạ tầng số trọng yếu.	
9	Nền tảng dữ liệu đô thị dùng chung, tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	
10	Ứng dụng AI trong quản lý đô thị, đất đai, giao thông, môi trường.	
11	Ứng dụng Blockchain trong dịch vụ công trực tuyến và quản lý dữ liệu.	
12	Phát triển nền tảng khám, chữa bệnh từ xa (Telemedicine) quy mô toàn thành phố, có khả năng kết nối liên vùng, liên tỉnh; tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ chẩn đoán, điều trị và quản lý sức khỏe người dân.	

STT	Tên nhu cầu công nghệ	Ghi chú
13	Phát triển hạ tầng kết nối 5G dùng riêng, IoT quy mô lớn và nền tảng thử nghiệm công nghệ tiến tới 6G phục vụ phát triển kinh tế số, đô thị thông minh và sản xuất thông minh.	
II	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ Y SINH	
1	Phát triển công nghệ vi sinh phục vụ xử lý ô nhiễm môi trường và sản xuất nông nghiệp bền vững.	
2	Công nghệ chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch đối với các mặt hàng nông thủy sản (gạo, trái cây, thủy sản) nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu.	
3	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ gen và sinh học phân tử trong chẩn đoán, điều trị và giám định y khoa.	
4	Ứng dụng enzyme và vi sinh vật trong sản xuất thực phẩm chức năng từ nguồn nguyên liệu địa phương.	
5	Kỹ thuật y sinh (điện tử y sinh, xử lý tín hiệu và hình ảnh y học, cảm biến sinh học, mô phỏng và mô hình hóa bằng máy tính).	
III	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU MỚI VÀ BÁN DẪN	
1	Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ vật liệu bán dẫn, quang điện tử, quang tử phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao.	
2	Công nghệ chế tạo vật liệu siêu bền, siêu nhẹ thân thiện với môi trường sử dụng trong xây dựng hoặc sử dụng trong môi trường khắc nghiệt.	
3	Robot y tế (hỗ trợ phẫu thuật, điều trị ung thư, sinh sản và chăm sóc người bệnh).	
IV	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Giải pháp năng lượng tái tạo cho khu công nghiệp và hộ gia đình, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp.	
2	Áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn và tuần hoàn tài nguyên trong các ngành công nghiệp chế biến.	
3	Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và hệ thống giám sát số trong quản lý tài nguyên, nông nghiệp và môi trường.	
4	Ứng dụng công nghệ cảnh báo sớm thiên tai và giám sát tài nguyên rừng.	
5	Công nghệ quan trắc, dự báo và quản lý tài nguyên nước (xâm nhập mặn, ngập úng).	

STT	Tên nhu cầu công nghệ	Ghi chú
6	Ứng dụng vật liệu mới và giải pháp kỹ thuật trong phòng chống sạt lở bờ sông, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long	
V	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÀ CHẾ BIẾN	
1	Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, giảm phát thải, tối ưu chi phí và nâng cao năng suất.	
2	Ứng dụng IoT, cảm biến và UAV trong quản lý sản xuất nông nghiệp, thủy sản.	